

QUY ĐỊNH

Tiêu chí đánh giá, xếp loại công tác dân vận trong các cơ quan hành chính nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và chính quyền địa phương các cấp trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận
(Ban hành kèm theo Quyết định số 656/QĐ-UBND ngày 06/6/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định về đối tượng, nguyên tắc, tiêu chí đánh giá, xếp loại công tác dân vận trong các cơ quan hành chính nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và chính quyền địa phương các cấp trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận (gọi tắt là công tác dân vận chính quyền).

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (gọi chung là các Sở, ban, ngành tỉnh).

b) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện).

c) Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện.

d) Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã).

Điều 2. Mục đích đánh giá, xếp loại

1. Việc đánh giá, xếp loại hằng năm về công tác dân vận chính quyền nhằm xem xét toàn diện các hoạt động quản lý nhà nước trên các lĩnh vực.

2. Trên cơ sở đánh giá nhằm phát huy các nhân tố tích cực, khắc phục những hạn chế, yếu kém, tạo động lực thi đua thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với các cơ quan hành chính nhà nước.

3. Thông qua việc đánh giá, xếp loại công tác dân vận hằng năm để tạo sự chuyển biến tích cực, hiệu quả trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ công tác dân vận trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Nguyên tắc đánh giá, xếp loại

1. Việc chấm điểm, đánh giá đảm bảo thực chất, dân chủ, công khai và khách quan.
2. Việc chấm điểm dựa trên mức độ hoàn thành khối lượng và kết quả đạt được theo yêu cầu của từng nội dung tiêu chí.
3. Việc chấm điểm đối với mỗi tiêu chí phải được chứng minh bằng văn bản, sản phẩm cụ thể. Tiêu chí nào đạt tất cả các nội dung thì chấm điểm tối đa, trường hợp không đạt thì tùy theo mức độ đạt được để chấm điểm. Riêng đối với những nội dung tiêu chí đánh giá không có trong chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương thì được tính điểm tối đa.

Chương II

NỘI DUNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CÔNG TÁC DÂN VẬN CỦA CHÍNH QUYỀN

Điều 4. Nội dung tiêu chí đánh giá và thang điểm

1. Tiêu chí 1: Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác dân vận chính quyền (10 điểm).
 2. Tiêu chí 2: Thực hiện nhiệm vụ chính trị (10 điểm).
 3. Tiêu chí 3: Thực hiện công tác cải cách hành chính (10 điểm).
 4. Tiêu chí 4: Thực hiện công tác tiếp công dân, đối thoại với Nhân dân (10 điểm).
 5. Tiêu chí 5: Giải quyết khiếu nại, tố cáo (10 điểm).
 6. Tiêu chí 6: Thực hiện quy định về đạo đức công vụ, văn hóa công sở, tác phong làm việc, quy tắc ứng xử, kỷ luật, kỷ cương hành chính (10 điểm).
 7. Tiêu chí 7: Thực hiện dân chủ ở cơ sở (10 điểm)
 8. Tiêu chí 8: Sáng tạo trong thực hiện công tác dân vận chính quyền, phong trào thi đua “Dân vận khéo” (10 điểm).
 9. Tiêu chí 9: Công tác phối hợp, tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân tham gia giám sát, phản biện xã hội và góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền vững mạnh (10 điểm).
 10. Tiêu chí 10: Thực hiện chế độ thông tin báo cáo (10 điểm).
- (Kèm theo Phụ lục Bảng chấm điểm công tác dân vận chính quyền)*

Điều 5. Phương pháp đánh giá công tác dân vận chính quyền

1. Đánh giá đối với các Sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Hằng năm, các Sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện căn cứ nội dung của các tiêu chí đánh giá ban hành kèm theo Quyết định này, tiến hành tự đánh giá, chấm điểm kết quả thực hiện công tác dân vận tại cơ quan, đơn vị, địa phương gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) **trước ngày 10/02 của năm sau liền kề năm chấm điểm.**

b) Sở Nội vụ tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh thành lập Tổ Thẩm định tổ chức thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm và trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định phê duyệt và công bố kết quả đánh giá, xếp loại.

2. Đánh giá đối với các phòng, ban chuyên môn cấp huyện và UBND cấp xã.

a) Hằng năm, các phòng, ban chuyên môn cấp huyện và UBND cấp xã thuộc UBND cấp huyện, căn cứ nội dung của các tiêu chí đánh giá ban hành kèm theo Quyết định này tự đánh giá, chấm điểm kết quả thực hiện công tác dân vận tại cơ quan, đơn vị, địa phương về Ủy ban nhân dân cấp huyện (thông qua Phòng Nội vụ).

b) Phòng Nội vụ các huyện, thành phố tham mưu UBND cấp huyện thành lập Tổ Thẩm định cấp huyện tổ chức thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm và trình Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định phê duyệt và công bố kết quả đánh giá, xếp loại. **Thời gian hoàn thành trước ngày 10/02 của năm sau liền kề năm chấm điểm.**

Điều 6. Xếp loại công tác dân vận chính quyền

Tùy theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ mà các cơ quan, đơn vị, địa phương đánh giá, chấm điểm tại Điều 4 Quy định này theo từng tiêu chí, sau đó lấy điểm tổng cộng của 10 tiêu chí để xếp loại theo các mức, như sau:

- Hoàn thành xuất sắc: Từ 90 đến 100 điểm.
- Hoàn thành tốt: Từ 80 đến dưới 90 điểm.
- Hoàn thành: Từ 70 đến dưới 80 điểm.
- Không hoàn thành: Dưới 70 điểm.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

1. Theo dõi, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện Quy định này. Đồng thời, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và Ban Dân vận Tỉnh ủy thẩm định kết quả tự đánh giá, xếp loại công tác dân vận của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện.

2. Chủ động ban hành văn bản hướng dẫn các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện thực hiện tự chấm điểm theo quy định (nếu cần thiết).

3. Tổ chức triển khai công tác tự đánh giá chấm điểm kết quả công tác dân vận chính quyền của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

4. Căn cứ quyết định phê duyệt và công bố kết quả đánh giá, xếp loại tham mưu đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen đối với những cơ quan, đơn vị, địa phương đạt thành tích tiêu biểu, xuất sắc.

5. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát nội dung các tiêu chí đánh giá tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

6. Tham mưu báo cáo kết quả thực hiện đánh giá, xếp loại công tác dân vận chính quyền gửi về Bộ Nội vụ, Tỉnh ủy (*qua Ban Dân vận Tỉnh ủy*).

Điều 8. Trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Trực tiếp chỉ đạo triển khai, thực hiện tự đánh giá chấm điểm công tác dân vận chính quyền của cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Hằng năm, thực hiện tự đánh giá, xếp loại dựa trên các tiêu chí, bảng điểm, mức xếp loại đã nêu tại Quyết định này và thực hiện đúng trình tự. Chịu trách nhiệm về các hồ sơ, tài liệu, kết quả tự đánh giá và nội dung kiến nghị, giải trình (*nếu có*).

3. Bố trí đủ kinh phí, nhân lực để triển khai chấm điểm công tác dân vận chính quyền trong phạm vi trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, địa phương theo hướng dẫn của Sở Nội vụ.

Điều 9. Trách nhiệm của Chủ tịch UBND cấp huyện

1. Chỉ đạo Phòng Nội vụ hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc các phòng, ban chuyên môn và UBND cấp xã thực hiện nghiêm theo Quy định này.

2. Chỉ đạo Phòng Nội vụ tham mưu UBND cấp huyện thành lập Tổ Thẩm định cấp huyện tổ chức thẩm định kết quả tự đánh giá, xếp loại công tác dân vận của các phòng, ban chuyên môn và UBND cấp xã; căn cứ nội dung của các tiêu chí đánh giá ban hành kèm theo Quyết định này tham mưu đề xuất Chủ tịch UBND cấp huyện khen thưởng đối với những cơ quan, đơn vị, địa phương đạt thành tích tiêu biểu.

Chương IV KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN

Điều 10. Khen thưởng, kỷ luật

1. Kết quả xếp loại công tác dân vận chính quyền là một trong những cơ sở để xem xét, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và thi đua, khen thưởng của các cơ quan, đơn vị, địa phương hằng năm.

2. Căn cứ kết quả đánh giá, xếp loại công tác dân vận chính quyền hằng năm, Chủ tịch UBND cấp huyện và Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng cho các

tập thể, cá nhân có thành tích xuất trong công tác tham mưu thực hiện công tác dân vận chính quyền của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

a) Đối với các Sở, ngành: Tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (01 tập thể và 01 cá nhân/đơn vị) đối với các đơn vị xếp hạng từ 1-4.

b) Đối với các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh: Tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (01 tập thể và 01 cá nhân/đơn vị) đối với các đơn vị xếp hạng từ 1-2.

c) Đối với UBND cấp huyện: Tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (01 tập thể và 01 cá nhân/đơn vị) đối với các đơn vị xếp hạng từ 1-2.

d) Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã: Tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (01 tập thể và 01 cá nhân/đơn vị) đối với các đơn vị xếp hạng 1 của từng huyện, thành phố.

đ) Đối với các phòng, ban chuyên môn cấp huyện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ động khen thưởng theo thẩm quyền.

e) Việc tặng Cờ Thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác dân vận chính quyền thực hiện theo Kế hoạch phát động thi đua của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 11. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí triển khai chấm điểm công tác dân vận chính quyền được đảm bảo bằng ngân sách nhà nước.

2. Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí cho triển khai chấm điểm công tác dân vận chính quyền hằng năm thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn Luật.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về UBND Tỉnh (qua Sở Nội vụ) để kịp thời xem xét, giải quyết./.

PHỤ LỤC

Bảng chấm điểm công tác dân vận trong các cơ quan hành chính nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và chính quyền địa phương các cấp trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận
(Ban hành kèm theo Quyết định số 656 /QĐ-UBND ngày 06 /6/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Nội dung tiêu chí	Điểm chuẩn	Cơ quan, đơn vị, địa phương tự chấm		Kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định
			Điểm số	Tài liệu kiểm chứng	
I	Tiêu chí 1: Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác dân vận chính quyền	10			
1	Tổ chức triển khai, quán triệt đầy đủ, kịp thời các văn bản của Trung ương, của Tỉnh về công tác dân vận như: kế hoạch phối hợp thực hiện công tác dân vận chính quyền hằng năm ở từng cấp; các văn bản mới ban hành của Trung ương, của Tỉnh có liên quan đến công tác dân vận chính quyền.	02			
2	Có phân công công chức lãnh đạo phụ trách công tác dân vận tại cơ quan, đơn vị, địa phương	02			
3	Có ban hành kế hoạch thực hiện công tác dân vận của cơ quan, đơn vị, địa phương hằng năm và thực hiện đạt hiệu quả.	02			
4	Có ban hành quy chế công tác dân vận của cơ quan, đơn vị, địa phương	01			
5	Hoàn thành các nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch thực hiện công tác dân vận của cơ quan, đơn vị, địa phương hằng năm (<i>Điểm đạt được = % hoàn thành kế hoạch x điểm chuẩn</i>).	03			
II	Tiêu chí 2: Thực hiện nhiệm vụ chính trị	10			

STT	Nội dung tiêu chí	Điểm chuẩn	Cơ quan, đơn vị, địa phương tự chấm		Kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định
			Điểm số	Tài liệu kiểm chứng	
1	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có ban hành chương trình, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ trong năm và tổ chức tuyên truyền, vận động thực hiện đạt các nhiệm vụ đề ra (<i>Điểm đạt được = % hoàn thành kế hoạch x điểm chuẩn</i>).	04			
2	Các cơ chế, chính sách, đề án, dự án, chương trình, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ trong năm khi ban hành (<i>tham mưu ban hành</i>) triển khai thực hiện được Nhân dân và cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC), người lao động đồng tình ủng hộ và mang lại hiệu quả thiết thực.	02			
3	Mức độ hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương đạt mức 90% trở lên (<i>căn cứ kết quả khảo sát của tỉnh</i>). * Trường hợp mức độ hài lòng đạt dưới 90% thì điểm số đạt được được tính theo công thức: (<i>% mức độ hài lòng đạt được/90%</i>) x Điểm chuẩn.	02			
4	Không có nhiệm vụ trễ hạn trên phần mềm văn bản chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh.	02			
III	Tiêu chí 3: Thực hiện công tác cải cách hành chính	10			
1	Cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời xử lý và chủ động khắc phục khi phát hiện có phản ánh phiền hà của người dân và doanh nghiệp đối với hoạt động quản lý của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.	02			
2	Thực hiện nghiêm và đầy đủ việc công khai, minh bạch các thủ tục hành chính theo quy định; đảm bảo việc giải quyết thủ tục hành chính đúng quy định.	02			
3	Hàng năm, tổ chức kiểm tra nội bộ (<i>hoặc rà soát, kiến nghị</i>) để phát hiện những bất cập trong các quy định về thủ tục hành chính, quy trình giải quyết hồ sơ, nhằm cải tiến, hợp lý hóa thủ tục hành chính, quy trình giải quyết hồ sơ.	02			
4	Không có hồ sơ giải quyết trễ hẹn, tồn đọng.	01			

STT	Nội dung tiêu chí	Điểm chuẩn	Cơ quan, đơn vị, địa phương tự chấm		Kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định
			Điểm số	Tài liệu kiểm chứng	
5	Kết quả xếp loại công tác cải cách hành chính đạt loại tốt. <i>* Trường hợp xếp loại khá thì chấm 02 điểm; loại trung bình chấm 01 điểm; loại yếu chấm 0 điểm</i>	03			
IV	Tiêu chí 4: Thực hiện công tác tiếp công dân, đối thoại với Nhân dân	10			
1	Thực hiện tốt việc tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với Nhân dân và tiếp công dân định kỳ, đột xuất. Công khai lịch tiếp công dân; bố trí nơi tiếp công dân đúng quy định.	05			
2	Qua tiếp dân và tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với Nhân dân đã giải quyết kịp thời, có hiệu quả những bức xúc, kiến nghị chính đáng của CBCCVC, người lao động và Nhân dân.	05			
V	Tiêu chí 5: Giải quyết khiếu nại, tố cáo	10			
1	Cơ quan, đơn vị, địa phương xử lý, giải quyết kịp thời đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của Nhân dân, không để vụ việc tồn đọng, kéo dài trong giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của Nhân dân (nếu có).	04			
2	Thực hiện tốt công tác thanh tra nhân dân, công tác hòa giải ngay từ cơ sở.	03			
3	Thực hiện chế độ báo cáo về giải quyết khiếu nại, tố cáo theo đúng quy định.	03			
VI	Tiêu chí 6: Thực hiện quy định về đạo đức công vụ, văn hóa công sở, tác phong làm việc, quy tắc ứng xử, kỷ luật, kỷ cương hành chính	10			
1	Xây dựng ban hành hoặc thực hiện tốt Quy tắc ứng xử của công chức, viên chức và người lao động tại cơ quan, đơn vị, địa phương; thực hiện tốt các quy định về Quy tắc ứng xử khi thi hành công vụ, tiếp xúc, giải quyết công việc với tổ chức và Nhân dân; hưởng ứng và thực hiện có hiệu quả các cuộc vận động xây dựng văn hoá công vụ trong đội ngũ CBCCVC do các cấp phát động.	02			

STT	Nội dung tiêu chí	Điểm chuẩn	Cơ quan, đơn vị, địa phương tự chấm		Kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định
			Điểm số	Tài liệu kiểm chứng	
2	Cơ quan, đơn vị, địa phương không có CBCCVC thuộc phạm vi quản lý suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; vi phạm pháp luật, gây mất đoàn kết nội bộ hoặc bị xử lý kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.	03			
3	Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong giải quyết nhanh, có hiệu quả công việc của tổ chức và cá nhân, quan tâm công tác tuyên truyền giáo dục đạo đức, lối sống cho CBCCVC; chấn chỉnh và tăng cường kỷ luật, siết chặt kỷ cương hành chính trong CBCCVC.	03			
4	Không có cán bộ, công chức, viên chức vi phạm kỷ luật kỷ cương hành chính.	02			
VII	Tiêu chí 7: Thực hiện dân chủ ở cơ sở	10			
1	Có Quyết định thành lập và thường xuyên kiện toàn Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở tại cơ quan, đơn vị, địa phương	01			
2	Có ban hành Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở tại cơ quan, đơn vị, địa phương và tổ chức thực hiện theo đúng quy chế.	01			
3	Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương chỉ đạo, điều hành thực hiện tốt việc ban hành đầy đủ các văn bản thực hiện dân chủ; đồng thời, thực hiện nghiêm, đầy đủ các quy định tại Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và các văn bản hướng dẫn dưới Luật.	03			
4	Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị và địa phương công khai, minh bạch trong quản lý, điều hành, gương mẫu trong công tác và sinh hoạt, chịu trách nhiệm cá nhân, nói đi đôi với làm, thực sự là tấm gương sáng cho CBCCVC noi theo.	03			
5	Tổ chức Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đúng thời hạn quy định.	02			
VIII	Tiêu chí 8: Sáng tạo trong thực hiện công tác dân vận chính quyền, phong	10			

STT	Nội dung tiêu chí	Điểm chuẩn	Cơ quan, đơn vị, địa phương tự chấm		Kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định
			Điểm số	Tài liệu kiểm chứng	
	trào thi đua “Dân vận khéo”				
1	Có sáng kiến/mô hình/cách làm hay về “ <i>Dân vận khéo</i> ” được thực hiện đạt hiệu quả (UBND huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn ít nhất 02 sáng kiến/mô hình/cách làm hay/năm; sở, ngành, phòng, ban cấp huyện ít nhất 01 sáng kiến/mô hình/cách làm hay/năm).	04			
2	Thường xuyên giới thiệu, tuyên truyền, nhân rộng và áp dụng thực hiện các mô hình, điển hình “ <i>Dân vận khéo</i> ” bằng các hình thức phù hợp tại cơ quan, đơn vị, địa phương (UBND huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn ít nhất 04 bài viết/năm; sở, ngành, phòng, ban cấp huyện ít nhất 02 bài viết/năm).	02			
3	Tổ chức hoạt động về công tác dân vận chính quyền nhằm giúp đỡ Nhân dân và CBCCVN, người lao động trên các lĩnh vực đời sống xã hội, cụ thể như: Giúp phát triển kinh tế, giảm nghèo, xây cầu, làm đường giao thông, xây và sửa chữa nhà, hỗ trợ người có công, gia đình chính sách, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn... (UBND huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn ít nhất 02 hoạt động/năm; sở, ngành, phòng, ban cấp huyện ít nhất 01 hoạt động/năm).	04			
IX	Tiêu chí 9: Công tác phối hợp, tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân tham gia giám sát, phản biện xã hội và góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền vững mạnh	10			
1	Cơ quan, đơn vị, địa phương ban hành cơ chế/văn bản, tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội (Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội Cựu Chiến binh, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân) tại cơ quan, đơn vị, địa phương, CBCCVN, người lao động và Nhân dân tham gia giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng cơ quan, đơn vị, địa phương.	02			
2	Đảm bảo kinh phí, cơ sở vật chất và các điều kiện khác để Mặt trận Tổ quốc Việt	02			

STT	Nội dung tiêu chí	Điểm chuẩn	Cơ quan, đơn vị, địa phương tự chấm		Kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định
			Điểm số	Tài liệu kiểm chứng	
	Nam và các tổ chức chính trị - xã hội (<i>Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội Cựu Chiến binh, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân</i>) tại cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện hoàn thành tốt các nhiệm vụ đề ra (<i>được giao</i>) theo khả năng của cơ quan, đơn vị, địa phương.				
3	Các cấp chính quyền duy trì chế độ làm việc định kỳ 06 tháng, 01 năm với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội (<i>Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội Cựu Chiến binh, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân</i>) tại cơ quan, đơn vị, địa phương.	1			
4	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội (<i>Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội Cựu Chiến binh, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân</i>) tại cơ quan, đơn vị, địa phương cuối năm được đánh giá, xếp loại Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. <i>* Trường hợp có tổ chức hoàn thành nhiệm vụ trở xuống thì trừ 01 điểm/tổ chức.</i>	5			
X	Tiêu chí 10: Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo	10			
1	Thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo về công tác dân vận tại cơ quan, đơn vị, địa phương như: Báo cáo 6 tháng, cuối năm, báo cáo chuyên đề (<i>báo cáo đúng thời gian quy định, nội dung báo cáo đảm bảo theo đề cương</i>). <i>* Cứ mỗi văn bản báo cáo trễ hạn thì trừ 01 điểm/văn bản</i> <i>* Cứ mỗi báo cáo không đảm bảo nội dung thì trừ 01 điểm/văn bản.</i> <i>* Tối đa trừ 05 điểm ở mục này.</i>	05			
2	Không bị cơ quan cấp trên (<i>Ủy ban nhân dân tỉnh đối với các sở, ban, ngành tỉnh, huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với các phòng chuyên môn, xã, phường, thị trấn</i>) phê bình/nhắc nhở/kiểm điểm bằng văn bản.	05			

STT	Nội dung tiêu chí	Điểm chuẩn	Cơ quan, đơn vị, địa phương tự chấm		Kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định
			Điểm số	Tài liệu kiểm chứng	
	* Trường hợp có văn bản phê bình/nhắc nhở thì trừ 01 điểm/văn bản (<i>tối đa trừ 03 điểm</i>). * Trường hợp có văn bản kiểm điểm thì chấm 0 điểm.				
	ĐIỂM TỔNG CỘNG				
	XẾP LOẠI				
